

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước Công.

Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1990. (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: Ấp K, xã T, huyện H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:

Ông và bà H đám cưới vào tháng 8 năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống thường bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong tờ tự khai, bị đơn bà Bùi Thị H trình bày: Vào tháng 8/2015, bà có kết hôn với ông Trần Văn B. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hai tháng thì không còn sống chung cho đến nay. Hai bên gia đình không dàn xếp để vợ chồng hàn gắn. Đối với yêu cầu của Ông Trần Văn B, bà H đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông Trần Văn B có đơn xin vắng mặt, bà Bùi Thị H có gửi văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của ông B và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Ông Trần Văn B khởi kiện bà Bùi Thị H, bà H cư trú Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn B có đơn xin vắng mặt và bà Bùi Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà H là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Ông B và bà H ly thân từ tháng 7 năm 2015 đến nay không còn liên lạc, mặc dù gia đình hai bên có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung giữa ông B và bà H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông B là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Ông B và bà H thống nhất không có, nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung*: Ông B và bà H thống nhất không có, nên không đề cập giải quyết.

[5]. *Về nợ chung*: Ông B và bà H thống nhất không có, nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông B và bà H thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn B yêu cầu ly hôn với Bà Bùi Thị H.

[1]. *Về hôn nhân*: Ông Trần Văn B được ly hôn với Bà Bùi Thị H.

[2]. *Về con chung*: Không có, không đề cập giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung*: Không có, không đề cập giải quyết.

[4]. *Về nợ chung*: Không có, không đề cập giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Ông Trần Văn B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019252 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T,
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới